

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 01 - 2025

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tuyên;

Ông Lê Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 268/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Ngô Thị L, bị đơn anh Trần Quốc T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L, anh T sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không được. Mâu thuẫn kéo dài và hai bên đã sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai.

Chị L nhận thấy tình cảm đã thật sự không còn, không thể nào chung sống với anh T được nữa và trên thực tế hai bên đã xa nhau từ lâu nên xin được ly hôn.

Anh T khai trong quá trình chung sống, có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nhưng vì các con đã lớn nên không muốn ly hôn, xin được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên là Trần Quốc T1, sinh ngày 17/01/2002 và Trần Thị Thanh H, sinh ngày 03/6/2005. Các con đã trưởng thành nên các đương sự thống nhất không yêu cầu gì.

- *Về tài sản*: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản. Ngoài ra, chị L, anh T không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị L, anh Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 01/4/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị L khai trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đã tự sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Anh T thừa nhận trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, sẵn dĩ không đồng ý ly hôn là vì các con đã lớn. Con của anh T, chị L xác nhận vợ chồng chị L, anh T có mâu thuẫn với nhau, hiện đã tự sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai là sự thật.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L, anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị L: Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Trần Quốc T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Quốc T1, sinh ngày 17/01/2002 và Trần Thị Thanh H, sinh ngày 03/6/2005. Các con đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Trần Quốc T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Ngô Thị L phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001080 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, chị Ngô Thị L đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND H. Tây Hòa;
 - Cục THADS H. Tây Hòa;
 - UBND xã H
- (GDKKH số 21, ngày 01/4/2002);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Huệ